ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND	*Hải Dương, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành "Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương"

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo "Quy định khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Về cơ sở pháp lý:

Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018, có hiệu lực từ 01/01/2020, theo đó:

- Tại khoản 1 Điều 2 quy định*: Chăn nuôi là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.*

- Tại điểm h khoản 1 Điều 80 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là*: Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*.

- Tại khoản 1 Điều 12 các hành vi bị nghiêm cấm trong chăn nuôi quy định: *Chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.*

- Tại Điều 83, quy định chuyển tiếp: *Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại khoản*

1 Điều 12 của Luật này thì trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

Tại Điều 13 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, quy định: *Cơ sở chăn nuôi là nơi nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi. Cơ sở chăn nuôi bao gồm: Chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ; chăn nuôi nông hộ*.

Như vậy, Luật Chăn nuôi là văn bản đầu tiên đưa nội dung này vào quy định để thực hiện, phân cấp cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý cho các địa phương xây dựng cơ chế, chính sách có liên quan.

2. Về cơ sở thực tiễn:

Trong những năm qua sản xuất chăn nuôi của tỉnh Hải Dương phát triển đạt khá, là tỉnh có tổng đàn vật nuôi lớn so với các tỉnh, thành phố trong cả nước, sản lượng vật nuôi tăng qua các năm. Tính đến năm 2023, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh có: Trâu 5.450 con, bò 14.400 con, lợn 436.780 con, đàn gia cầm 16.709 nghìn con; sản lượng thịt xuất chuồng: Trâu: 910 tấn, bò: 1.730 tấn, lợn: 67.860 tấn, gia cầm: 55.374 tấn, sản lượng trứng gia cầm (bao gồm cả trứng chim cút) đạt 621.075 nghìn quả (Nguồn: Cục Thống kê tỉnh). Định hướng, chỉ đạo phát triển sản xuất chăn nuôi trong thời gian tới, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 200/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2025, theo đó: Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn dịch bệnh, sản xuất chăn nuôi theo hướng hữu cơ, theo tiêu chuẩn VietGAHP, an toàn thực phẩm. Mở rộng các trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Ưu tiên phát triển những sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh là thịt lợn, thịt và trứng gia cầm theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng đất, lao động và vốn đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp từng giai đoạn tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển đúng hướng, bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất chăn nuôi của tỉnh đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: (i) Diện tích đất chăn nuôi nhỏ, manh mún, xen kẽ với dân cư; quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ; sản xuất tự phát, dẫn đến các hệ lụy cơ bản là phát triển thiếu bền vững, dễ bị đứt gãy khi có biến cố như dịch bệnh, giá cả thị trường; khó tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; (ii) Chưa đảm bảo điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường; (iii) Một số dịch bệnh nguy hiểm ở vật nuôi như bệnh Lở mồm long móng gia súc, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trên trâu bò, bệnh Cúm gia cầm, bệnh Tai xanh, Lở mồm long móng ở lợn,... luôn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và gây thiệt hại là cao, bên cạnh đó một số bệnh chưa có vắc xin để phòng bệnh hiệu quả, mầm

bệnh dễ biến chủng, nếu phát sinh có thể gây thiệt hại lớn như bệnh Dịch tả lợn Châu phi, bệnh Cúm gia cầm do một số chủng vi rút Cúm gia cầm mới.

Theo số liệu tổng hợp từ các huyện, thị xã, thành phố, tổng số cơ sở chăn nuôi trong khu vực đề xuất không được phép chăn nuôi là 2.350. Tổng số vật nuôi tại 2.350 cơ sở là: Lợn 8.247 con, trâu bò 651 con, gia cầm 258.051 con, vật nuôi khác là 3.511 con (dê, thỏ). Tổng diện tích chuồng nuôi nằm trong khu vực đề xuất không được phép chăn nuôi là khoảng 146.595 m^2. Có 7.848 nhân khẩu của 2.350 hộ trong khu vực bị tác động. So với toàn tỉnh, tỷ lệ số cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi chiếm tỷ lệ nhỏ, tỷ lệ số lượng đầu con và khối lượng sản phẩm sản xuất không lớn.

Hiện nay chi phí trung bình xây dựng: Chuồng trại kiên cố là 950.000 đồng/m^2; chuồng trại tạm là 650.000 đồng/m^2; chi phí xây dựng chuồng trại trung bình: 800.000 đồng/m^2. Chi phí tháo dỡ chuồng trại trung bình 250.000 đồng/m^2. Ước tính kinh phí xây dựng và tháo dỡ khi di dời trung bình là: 800.000 + 250.000 = 1.050.000 đồng/m^2.

Khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, hệ thống chuồng trại cũ hầu như không sử dụng lại được mà phải đầu tư xây dựng mới, tốn kém nhiều chi phí, do đó Nhà nước cần có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các cơ sở để giải quyết một phần khó khăn trong quá trình thực hiện di dời.

Đối với hoạt động nuôi chim yến: Chăn nuôi chim yến phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, tỉnh Hải Dương không có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi chim yến, hiện tại trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 nhà nuôi chim yến với tổng diện tích 02 sàn là 200m^2 tại xã Hưng Long, huyện Ninh Giang; dư địa để người dân mở rộng nuôi đại trà không nhiều. Hiện nay, tại các khu vực theo đề xuất khu vực không được phép chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố, qua điều tra không có hộ chăn nuôi chim yến, do đó đề xuất không đưa quy định chăn nuôi chim yến vào nội dung Nghị quyết.

Từ thực tiễn bối cảnh chăn nuôi, định hướng chăn nuôi của tỉnh và cơ sở pháp lý liên quan, việc ban hành "Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương" là cần thiết và phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Xây dựng Nghị quyết để thực hiện các nội dung được giao tại Điểm h Khoản 1 Điều 80 của Luật Chăn nuôi năm 2018.

- Quy định các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương và chính sách hỗ trợ cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi nhằm ổn định và phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.

- Khắc phục, cải thiện và giải quyết tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn.

- Thực hiện việc di dời các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương phù hợp với tình hình thực tế địa phương để tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển chăn nuôi.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo đúng quy định pháp luật về thẩm quyền và trình tự thủ tục.

- Phù hợp với quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh triển khai xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục như sau:

- Ngày 21/9/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành công văn số 1846/SNN-CNTY gửi Văn phòng UBND tỉnh V/v đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Ngày 02/10/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành công văn số 1947/SNN-BC-CTY kính gửi UBND tỉnh Báo cáo đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu

dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Ngày 03/10/2023, Văn phòng UBND tỉnh ban hành công văn số 806/VP-KTN gửi Sở Tư pháp V/v xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (văn bản quy phạm pháp luật).

- Ngày 09/10/2023, Sở Tư pháp ban hành công văn số 2256/STP-XD&PBPL V/v tham mưu UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh và đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Ngày 16/10/2023, UBND tỉnh ban hành công văn số 3857/UBND-VP V/v xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (văn bản quy phạm pháp luật) đồng ý với đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tư pháp về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương (văn bản quy phạm pháp luật). Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng, hoàn thiện dự thảo.

- Ngày 08/12/2023, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 99/NQ-HĐND Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024.

- Ngày 16/01/2024, Sở Nông nghiệp ban hành công văn số 104/SNN-CNTY V/v đánh giá thực trạng chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư và đề xuất chính sách hỗ trợ việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi làm căn cứ xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị quyết) đã gửi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến (Văn bản số …….).

- Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số ……./SNN- CNTY ngày ……/……/2024.

- Sở Tư pháp có Văn bản số …./BC-STP ngày…./……./2024 về việc báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách

hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định tại Báo cáo số ……./ BC-SNN ngày ……./……../2024.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

- Ngày …./…/2024 UBND tỉnh tổ chức cuộc họp để thông qua dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 5 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

- Điều 3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

- Điều 4. Kinh phí thực hiện

- Điều 5. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

a) Tên gọi của Nghị quyết theo quy định của Luật Chăn nuôi: "Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

b) Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi, trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường (sau đây gọi tắt là khu vực không được phép chăn nuôi) và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương bao gồm:

a) Thành phố Hải Dương: Gồm các phường: Quang Trung, Phạm Ngũ Lão, Lê Thanh Nghị, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Phú.

b) Thành phố Chí Linh: Gồm các phường: Gồm các phường: Sao Đỏ, Thái Học, An Lạc, Chí Minh, Cổ Thành, Hoàng Tiến, Hoàng Tân, Tân Dân, Văn An, Văn Đức, Đồng Lạc.

c) Thị xã Kinh Môn: Gồm các phường: Hiến Thành, Thái Thịnh, Hiệp An, An Lưu, An Sinh, Hiệp Sơn, Phạm Thái, Thất Hùng, Minh Tân, Phú Thứ, Tân Dân, Duy Tân, An Phụ.

d) Huyện Bình Giang: Gồm các khu dân cư: Khu I, Khu II, Khu III, Khu IV, Khu V thuộc thị trấn Kẻ Sặt.

đ) Huyện Cẩm Giàng: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, số 2 La A, số 5 La B thuộc thị trấn Cẩm Giang; Khu Thống Nhất, Việt Mỹ, Hoàng Thanh, Đổ Đó (thuộc thôn Tiền) thuộc thị trấn Lai Cách.

e) Huyện Gia Lộc: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu Ngà, Khu Chằm thuộc thị trấn Gia Lộc.

g) Huyện Kim Thành: Gồm các khu dân cư: Khu An Thái, Khu Đồng Văn, Khu Phố Ga, Khu Tân Phú thuộc thị trấn Phú Thái.

h) Huyện Nam Sách: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9 thuộc thị trấn Nam Sách.

i) Huyện Ninh Giang: Gồm các khu dân cư: Khu 2, Khu 3, Khu 4 và Kgu phố 1 (đoạn đường Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu, Mạc Thị Bưởi, Nguyễn Thái Học) thuộc thị trấn Ninh Giang.

k) Huyện Thanh Hà: Gồm các khu dân cư: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9 thuộc thị trấn Thanh Hà.

l) Huyện Thanh Miện: Gồm các khu dân cư: An Lạc, Vô Hối, Bất Nạo, Lê Bình, Phượng Hoàng Thượng, Phượng Hoàng Hạ, Phù Nội, Triệu Thái thuộc Thị trấn Thanh Miện; Khu dân cư số 1 thuộc xã Đoàn Tùng.

m) Huyện Tứ Kỳ: Khu vực đất của các hộ tiếp giáp tuyến đường tỉnh 391 thuộc các khu An Nhân Đông, An Nhân Tây, La Tỉnh Bắc, La Tỉnh Nam; Khu vực đất của các hộ tiếp giáp đường Tây Nguyên thuộc các khu La Tỉnh Bắc, La Tỉnh Nam; Khu dân cư Cầu Yên thuộc khu La Tỉnh Nam; Khu dân cư mới thuộc khu An Nhân Đông thuộc thị trấn Tứ Kỳ.

n) Các khu vực quy hoạch phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đang hoạt động, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này không được phép mở rộng quy mô chăn nuôi và phải thực hiện di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, các cơ sở chăn nuôi vẫn tiếp tục hoạt động hoặc không di dời sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm hiện tai, cả nước có 37/63 tỉnh/thành phố đã ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về khu vực được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, trong đó: 37/63 tỉnh/thành phố (chiếm 58,7%) ban hành quy định khu vực không được phép chăn nuôi và 29/63 tỉnh/thành phố (chiếm 46,0%) ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Thực tế, việc di dời cơ sở chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn (không có quỹ đất cho chăn nuôi, tập quán chăn nuôi của người dân,...). Từ thực tế sản xuất chăn nuôi cả nước nói chung và điều kiện chăn nuôi của tỉnh ta nói riêng, kiến nghị kéo dài thời gian hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Đối với các xã, thị trấn được thành lập thành phường (trong vòng 05 năm trở lại ngày Nghị quyết có hiệu lực) được phép kéo dài thời gian việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi nhưng không quá ngày 01 tháng 01 năm 2030.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quy định này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Cơ sở chăn nuôi đang hoạt động; thực hiện quy định kê khai hoạt động chăn nuôi theo Điều 54 Luật Chăn nuôi;

b) Hoàn thành việc di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này chỉ được hỗ trợ một lần khi thực hiện việc di dời cho nội dung hỗ trợ và phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

c) Trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nội dung, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm chăn nuôi mới phù hợp quy định pháp luật về chăn nuôi:

- Mức hỗ trợ 500.000 đồng/m^2 diện tích chuồng nuôi đối với chuồng nuôi khi đáp ứng có ít nhất 2/3 (hai phần ba) chỉ tiêu: tường xây gạch; nền xi măng; mái lợp ngói, tôn, Fibro xi măng, nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)/cơ sở chăn nuôi.

- Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện kê khai và có kế hoạch, phương án dừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành di dời đến cơ sở mới.

b) Hỗ trợ chủ cơ sở, người lao động (trong độ tuổi lao động) làm việc trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi, nếu có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp thì được hỗ trợ chi phí đào tạo khi tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 (ba) tháng.

- Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi (quy mô chăn nuôi được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi) như sau:

+ Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở;

+ Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: tối đa 02 lao động/cơ sở;

+ Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: tối đa 03 lao động/cơ sở;

+ Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: tối đa 10 lao động/cơ sở.

- Mức hỗ trợ: tối đa 02 triệu đồng/lao động/khóa học (quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng).

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi người lao động hoàn thành khóa học.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô lớn.

2. Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại quy mô vừa, trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Khi các văn bản quy định được dẫn chiếu để áp dung tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trên đây là Tờ trình về Nghị quyết "Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương", Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết;

(2) Báo cáo số ……/BC-SNN ngày .../……../2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu chỉnh sửa, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

(3) Báo cáo thẩm định số……./BC-STP ngày …./...../2024 của Sở Tư pháp;

(4) Báo cáo số ……../BC-SNN ngày ...../……/……. của Sở Nông nghiệp và PTNT giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

(5) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

(6) Văn bản số Văn bản số ……/VP-CTTĐT ngày …./..../2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tổng hợp lấy ý kiến nhân dân đối với nội dung dự thảo Nghị quyết lên Công Thông tin điện tử tỉnh).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNPTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH